

Số: 1294/BVĐKKL-HCQT

*Cai Lậy, ngày 24 tháng 12 năm 2025*

V/v mời thầu gói thầu: “Giám sát thi công” thuộc Dự án: “Công trình: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp khu vực sàng lọc để làm Nhà thuốc” (gia hạn lần 1)

Kính gửi: Các nhà thầu.

Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-BVĐKKL ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: “Công trình: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy, Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp khu vực sàng lọc để làm Nhà thuốc”;

Căn cứ Công văn số 1266/BVĐKKL-HCQT ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy về việc mời thầu gói thầu: “Giám sát thi công” thuộc Dự án: “Công trình: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp khu vực sàng lọc để làm Nhà thuốc”;

Căn cứ nhu cầu thực hiện gói thầu “Giám sát thi công” thuộc Dự án: “Công trình: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp khu vực sàng lọc để làm Nhà thuốc”.

Để có cơ sở xét chọn nhà thầu thực hiện, Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy kính mời các nhà thầu có năng lực tham dự nộp hồ sơ dự thầu theo nội dung sau:

**1. Năng lực nhà thầu:**

- Nhà thầu đã đăng ký thông tin trên mạng đấu thầu quốc gia, ngành nghề kinh doanh phù hợp.
- Có chứng chỉ Năng lực hoạt động xây dựng.
- Có danh sách nhân sự phù hợp.

**2. Nội dung gói thầu:**

- Tên gói thầu: “Giám sát thi công” thuộc Dự án: “Công trình: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp khu vực sàng lọc để làm Nhà thuốc”.

-Giá gói thầu: 10.188.187 đồng (*Số tiền bằng chữ: Mười triệu, một trăm tám mươi tám ngàn, một trăm tám mươi bảy đồng*).

- Nguồn vốn: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

- Loại Hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu : 60 ngày.

- Địa điểm, quy mô dự án:

+ Địa điểm dự án: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy (Số 398, đường quốc lộ 1, khu phố 1A, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp);

+ Quy mô dự án:

Khu vực sàng lọc sửa chữa làm nhà thuốc có diện tích xây dựng 66,78m<sup>2</sup>.

Kết cấu hiện trạng: Khu vực sàng lọc theo hiện trạng có kết cấu nền đổ bê tông, cột, kèo, đòn tay sử dụng thép hộp mạ kẽm, mái lợp tole sóng vuông kết cấu còn ổn định;

Cạo và bê sơn tường ngoài nhà Bảo vệ, chống thấm sàn mái;

Tháo dỡ khung rào song sắt, gia cố khung kèo sắt hộp có sẵn bằng thép tấm dày 5mm;

Nâng nền và lát gạch hoàn thiện nền quây thuốc, nền hoàn thiện cao 0,2m so với sân hiện trạng;

Nền nhà thuốc lát gạch ceramic KT 500x500 màu sáng, khu vực phía ngoài kệ quây 01 và 02 lát gạch ceramic KT 500x500 nhám chống trượt;

Lắp tấm EPS dày 100mm làm vách bao che;

Đóng trần rima KT 600x600 khung kim loại;

Bố trí cửa đi, cửa sổ nhôm đài loan;

Làm mái che phía trước bằng khung thép hộp, lợp bằng tấm polycarbonate lấy sáng, hệ sắt hộp đỡ tấm lấy sáng hoàn thiện sơn màu bằng sơn 2 thành phần;

Ốp cột phía ngoài quây thuốc bằng tấm Alu (màu xanh biển) loại ngoài trời;

Ốp trần trước quây thuốc, vách thu hồi và đáy kệ quây thuốc bằng tấm Alu (màu trắng) loại ngoài trời;

Làm hệ khung đỡ kệ quây bằng sắt hộp, mặt kệ quây ốp đá hoa cương màu đen;

Cắt 1 phần đuôi mái tole hiện trạng chèn máng thu nước và lắp ống thu nước;

Bố trí hệ thống đèn chiếu sáng và ổ cắm đảm bảo nhu cầu sử dụng;

Bố trí máy ĐHKK (điều hòa không khí) và quạt trần đảo cho quây thuốc;

Bố trí khu kệ quây bằng gỗ công nghiệp.

*(Đính kèm bảng khối lượng công việc thi công)*

3. Hồ sơ dự thầu gồm:

- Thư chào giá, Hồ sơ giới thiệu năng lực kinh nghiệm (*Thông tin doanh nghiệp, Hồ sơ pháp lý, Năng lực nhân sự, bằng cấp nhân sự, Đối tác tiêu biểu, hợp đồng tiêu biểu*).

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày phát hành công văn mời thầu đến 16 giờ 00 phút ngày **29/12/2025** (trong giờ hành chính).

*(Các hồ sơ nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét và sẽ hoàn trả về Quý nhà thầu).*

- Ngoài bìa thư ghi rõ: **“Hồ sơ dự thầu gói thầu “Giám sát thi công” thuộc Dự án: “Công trình: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp khu vực sàng lọc để làm Nhà thuốc”.**

- Địa chỉ nộp hồ sơ: tại phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy (398, Quốc lộ 1, khu phố 1A, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp).

- Mọi thắc mắc trong quá trình nộp hồ sơ vui lòng liên hệ số điện thoại 02733 820 073.

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy trân trọng thông báo để các Nhà thầu biết và đăng ký tham gia./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phó Giám đốc (để biết);
- Phòng CNTT (để đăng tin);
- Lưu: VT, HCQT (Nhưng).

**Q. GIÁM ĐỐC**

**BẢNG KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THI CÔNG ĐỂ GIÁM SÁT**

(Kèm theo công văn số 1294/BVĐKKL-HCQT ngày 24 tháng 12 năm 2025)

| STT | Nội dung công việc                                                                                | Đơn vị tính       | Khối lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|
|     | <b>Phần tháo dỡ</b>                                                                               |                   |            |
| 1.  | Tháo dỡ kết sắt thép bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$                                           | tấn               | 0,135      |
| 2.  | Phá dỡ tường xây gạch chiều dày tường $\leq 11cm$                                                 | m <sup>3</sup>    | 0,101      |
|     | <b>Phần cải tạo</b>                                                                               |                   |            |
| 3.  | Đục nhám mặt bê tông                                                                              | m <sup>2</sup>    | 28,288     |
| 4.  | Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM mác 100                                        | m <sup>2</sup>    | 28,288     |
| 5.  | Quét dung dịch chống thấm mái, tường, sê nô, ô văng ...                                           | m <sup>2</sup>    | 45,152     |
| 6.  | Cạo bỏ lớp vôi trên bề mặt tường cột, trụ                                                         | m <sup>2</sup>    | 81,923     |
| 7.  | Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75                                             | m <sup>2</sup>    | 5,000      |
| 8.  | Bả bằng bột bả vào cột, dầm, trần                                                                 | m <sup>2</sup>    | 86,923     |
| 9.  | Sơn tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ                               | m <sup>2</sup>    | 76,402     |
| 10. | Quét dung dịch chống thấm mái, tường, sê nô, ô văng ...                                           | m <sup>2</sup>    | 5,425      |
|     | <b>Phần xây dựng</b>                                                                              |                   |            |
| 11. | Xây tường thẳng bằng gạch ống 8x8x19, chiều dày $\leq 10cm$ , chiều cao $\leq 6m$ , vữa XM mác 75 | m <sup>3</sup>    | 0,419      |
| 12. | Đắp cát công trình bằng thủ công, đắp nền móng công trình                                         | m <sup>3</sup>    | 5,794      |
| 13. | Nilon trải nền                                                                                    | 100m <sup>2</sup> | 0,581      |
| 14. | Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 200  | m <sup>3</sup>    | 4,063      |
| 15. | Lát nền gạch (KT 500x500), vữa XM mác 75                                                          | m <sup>2</sup>    | 89,137     |
| 16. | Lát nền gạch (KT 500x500) nhám, vữa XM mác 75                                                     | m <sup>2</sup>    | 14,481     |

| STT | Nội dung công việc                                                                                | Đơn vị tính    | Khối lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|
| 17. | Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75                                             | m <sup>2</sup> | 22,326     |
| 18. | Gia công vì kèo thép, khung thép mái đón, khung cột                                               | tấn            | 0,258      |
| 19. | Thép hộp 40x80x1.7mm                                                                              | kg             | 28,01      |
| 20. | Thép hộp 50x100x1.4mm                                                                             | kg             | 15,21      |
| 21. | Thép hộp 30x30x1.4mm                                                                              | kg             | 61,49      |
| 22. | Thép hộp 30x60x1.4mm                                                                              | kg             | 11,5       |
| 23. | Thép tấm dày 5mm                                                                                  | kg             | 47,1       |
| 24. | Thép hộp 13x26x1.1mm                                                                              | kg             | 85,28      |
| 25. | Thép fi 10mm                                                                                      | kg             | 7,4        |
| 26. | Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ                                            | m <sup>2</sup> | 33,6       |
| 27. | Lắp dựng xà gồ thép                                                                               | tấn            | 0,258      |
| 28. | Tấm EPS làm vách dày 100mm tole 0.4mm hai mặt màu trắng + phụ kiện (thành phẩm)                   | m <sup>2</sup> | 81,431     |
| 29. | CCLD cửa đi, sổ khung nhôm qui cách như BV                                                        | m <sup>2</sup> | 6,212      |
| 30. | CCLD cửa đi bậc 2 chiều qui cách như BV                                                           | m <sup>2</sup> | 1,276      |
| 31. | CCLD cửa đi bản lề sàn qui cách như BV                                                            | m <sup>2</sup> | 12,740     |
| 32. | Trần rima KT 600x600 khung kim loại (thành phẩm) luôn công                                        | m <sup>2</sup> | 47,000     |
| 33. | Tấm aluminium ngoài trời dày 4.0mm độ phủ nhôm 0.21mm + phụ kiện (thành phẩm)                     | m <sup>2</sup> | 26,001     |
| 34. | Tấm polycatponat đặc ruột dày 3mm + phụ kiện (thành phẩm)                                         | m <sup>2</sup> | 12,600     |
| 35. | Máng thu nước tole mạ màu dày 4.0mm (thành phẩm)                                                  | md             | 7,200      |
| 36. | Đá hoa cương làm kệ quầy                                                                          | m <sup>2</sup> | 1,120      |
| 37. | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 4m, đường kính ống 90mm | 100m           | 0,050      |
| 38. | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 4m, đường kính ống 60mm | 100m           | 0,100      |
| 39. | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng                                                           | 100m           | 0,070      |

| STT | Nội dung công việc                                                                                                                              | Đơn vị tính | Khối lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|
|     | phương pháp dán keo, đoạn ống dài 4m, đường kính ống 27mm                                                                                       |             |            |
| 40. | Lắp đặt côn, cút nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính côn, cút 27mm                                                      | cái         | 3,000      |
| 41. | Lắp đặt côn, cút nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính côn, cút 65mm                                                      | cái         | 2,000      |
| 42. | Lắp đặt côn, cút nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính côn, cút 89mm                                                      | cái         | 2,000      |
| 43. | Cầu chắn rác                                                                                                                                    | cái         | 1,000      |
| 44. | Lắp đặt chậu Lavabo rửa + vòi Inox 304 + phụ kiện                                                                                               | bộ          | 1,000      |
|     | <b>Phần Điện</b>                                                                                                                                |             |            |
| 45. | Lắp đặt đèn âm trần D122 - 12W                                                                                                                  | bộ          | 23,000     |
| 46. | Lắp đặt ống Counrant D 20, nẹp nhựa 20x10 đặt nổi bảo hộ dây dẫn                                                                                | m           | 40,000     |
| 47. | Lắp đặt dây dẫn điện đơn 1x1,5mm <sup>2</sup>                                                                                                   | m           | 107,000    |
| 48. | Lắp đặt dây dẫn điện đơn 1x2,5mm <sup>2</sup>                                                                                                   | m           | 78,000     |
| 49. | Lắp đặt dây dẫn điện đơn 1x6,0mm <sup>2</sup>                                                                                                   | m           | 50,000     |
| 50. | Lắp đặt ổ cắm ba                                                                                                                                | cái         | 6,000      |
| 51. | Lắp đặt MCB 2P - 32A                                                                                                                            | cái         | 2,000      |
| 52. | Lắp đặt RCCB 2P - 32A                                                                                                                           | cái         | 1,000      |
| 53. | Lắp đặt MCB 1P - 16A                                                                                                                            | cái         | 1,000      |
| 54. | Lắp đặt MCB 1P - 6A                                                                                                                             | cái         | 1,000      |
| 55. | Lắp đặt quạt ốp trần                                                                                                                            | cái         | 2,000      |
| 56. | Lắp đặt công tắc - 3 hạt trên 1 công tắc                                                                                                        | cái         | 6,000      |
| 57. | Lắp đặt máy điều hoà không khí (điều hoà cục bộ), máy điều hòa 2 cục, loại treo tường (Định mức vật liệu chưa bao gồm ống các loại và dây điện) | máy         | 2,000      |
|     | <b>Tủ</b>                                                                                                                                       |             |            |
| 58. | Tủ bằng Ván MDF chống ẩm + mặt kính qui cách như BV (thành phẩm)                                                                                | bộ          | 1,000      |
|     | <b>TỔNG CỘNG: 58 khoản</b>                                                                                                                      |             |            |

